


**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**
**Thông tin về tổ chức niêm yết**
**Ban điều hành**
**Ô. Nguyễn Hòa Bình**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh  
Cao học Việt Bỉ

**Ô. Trần Văn Tá**

Ủy viên Hội đồng Quản trị  
Nghiên cứu sinh ĐH Các Mác,  
Budapest, Hungary

**Ô. Nguyễn Phước Thanh**

Tổng Giám đốc  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh  
ĐHQG Hà Nội liên kết ĐH  
Pacific Western

**B. Nguyễn Thu Hà**

Phó Tổng giám đốc  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh  
tại Mỹ

**B. Nguyễn Thị Hoa**

Kế toán trưởng  
Cử nhân Tài chính Kế toán

**B. Trương Lệ Hiền**

Trưởng Ban kiểm soát  
Cao học Việt Nam - Hà Lan

Tên viết tắt	Vietcombank - VCB
Trụ sở chính	198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Telephone	84-4-3934 3137
Fax	84-4-3824 1395
Website	<a href="http://www.vcb.com.vn">www.vcb.com.vn</a>
Telex	411504/411209 VCB VT
SWIFT	BFTVVNVX
Ngày thành lập	01/04/1963
Ngành	Ngân hàng
Ngành nghề kinh doanh	Huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ; các hoạt động khác

**Thông tin về chứng khoán niêm yết**

Mệnh giá	VND10.000
Số chứng khoán niêm yết	112.285.426
Cổ đông chính	
SCIC	90,72%
Tổ chức	5,33%
Trong nước	2,86%
Nước ngoài	2,47%
Cá nhân	3,95%
Trong nước	3,91%
Nước ngoài	0,04%
Giá chào sàn	VND50.000
Ngày giao dịch chính thức	30/06/2009

**Thông tin tài chính cơ bản**

	2007	2008	31/03/2009
tr. VND			
Tổng tài sản	197.408.036	221.950.448	220.493.456
Vốn chủ sở hữu	13.635.886	13.893.437	14.991.902
Tổng dư nợ	97.531.894	112.792.965	117.444.721
Vốn huy động từ dân cư	144.810.151	159.989.034	149.962.143
LN trước DPRR	4.145.653	6.208.397	1.459.903
LNST	2.407.667	2.520.214	1.110.660
Tỷ lệ nợ xấu (%)	3,29	4,63	4,09
ROAA (%)	1,33	1,21	0,50
ROAE (%)	19,46	18,43	7,72
Chi phí/Thu nhập (%)	28,19	30,26	26,56

Nguồn: BCTC kiểm toán 2007 - 2008, BCTC Q1'09

## MỤC LỤC

ĐỊNH GIÁ.....	3
VỊ THẾ CỦA VCB TRONG NGÀNH NGÂN HÀNG .....	4
PHÂN TÍCH SWOT .....	6
Điểm mạnh .....	6
Điểm yếu.....	6
Cơ hội.....	7
Thách thức.....	7
PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG .....	8
Huy động vốn.....	8
Hoạt động tín dụng .....	8
Thanh toán quốc tế .....	9
Kinh doanh ngoại tệ .....	9
Hoạt động kinh doanh thẻ .....	10
Công ty chứng khoán VCBS .....	10
Công ty cho thuê tài chính .....	10
Đầu tư, góp vốn liên doanh.....	10
Phát triển mạng lưới .....	10
Phát triển công nghệ.....	11
Chiến lược .....	11
PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH.....	12
Mức độ đủ vốn .....	12
Chất lượng tài sản .....	12
Chất lượng thu nhập .....	13
Thanh khoản.....	14
SO SÁNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2008 MỘT SỐ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM .....	15
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN CỦA VCB.....	16
PHỤ LỤC.....	17

## ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi sử dụng các phương pháp so sánh để định giá cổ phiếu Vietcombank.

### Theo P/E

Các ngân hàng có mức trích dự phòng rất khác nhau và điều này ảnh hưởng rất lớn đến Lợi nhuận sau thuế. Do vậy, để đảm bảo việc so sánh được nhất quán, chúng tôi sử dụng thu nhập trước dự phòng của các ngân hàng trong phương pháp định giá này.

	Vietinbank	ACB	STB	Techcombank	Eximbank	MB	BQ
P (26/06/2009)	37.500	49.600	35.500	47.500	26.000	31.200	
TN trước DPRR/cp	4.842	4.167	2.314	6.534	1.786	3.184	
P/E	7,75	11,88	15,34	7,27	14,56	9,80	<b>11,10</b>

### Theo P/B

	Vietinbank	ACB	STB	Techcombank	Eximbank	MB	BQ
BVPS (VND)	15.985	12.219	15.166	15.446	17.790	13.755	
P/B	2,35	4,05	2,34	3,08	1,46	2,27	<b>2,59</b>

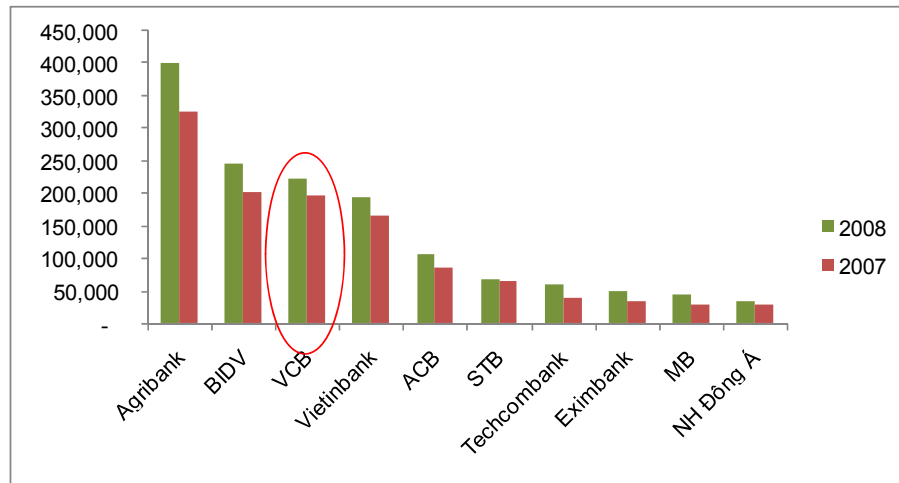
Do quy mô và những lợi thế so sánh của Vietcombank như phân tích dưới đây, chúng tôi cho rằng Vietcombank xứng đáng được giao dịch với mức giá cao hơn 15% so với P/E và P/B trung bình của thị trường.

### Tổng hợp các phương pháp

	Giá cổ phiếu	Tỷ trọng	Giá trị
P/E	56.939	70%	39.858
P/B	29.742	30%	8.923
			<b>48.780</b>
Premium			15%
Giá trị trung bình 1 cổ phiếu (VND/cp)			<b>56.097</b>

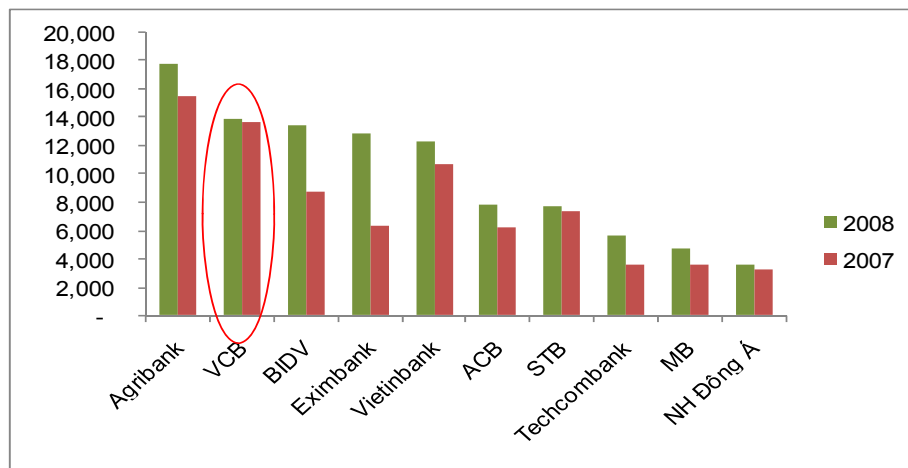
## VỊ THẾ CỦA VCB TRONG NGÀNH NGÂN HÀNG

### Tổng tài sản



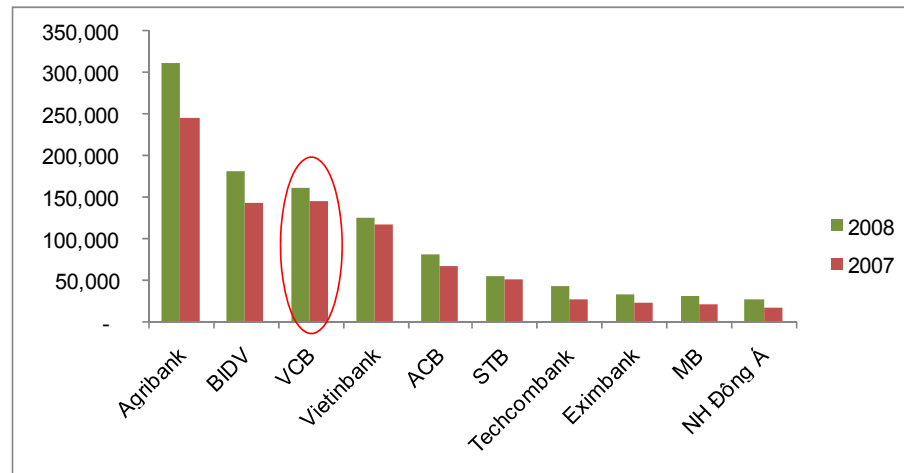
Nguồn: HBBS tổng hợp từ BCTC kiểm toán 2007-2008 các ngân hàng

### Vốn chủ sở hữu

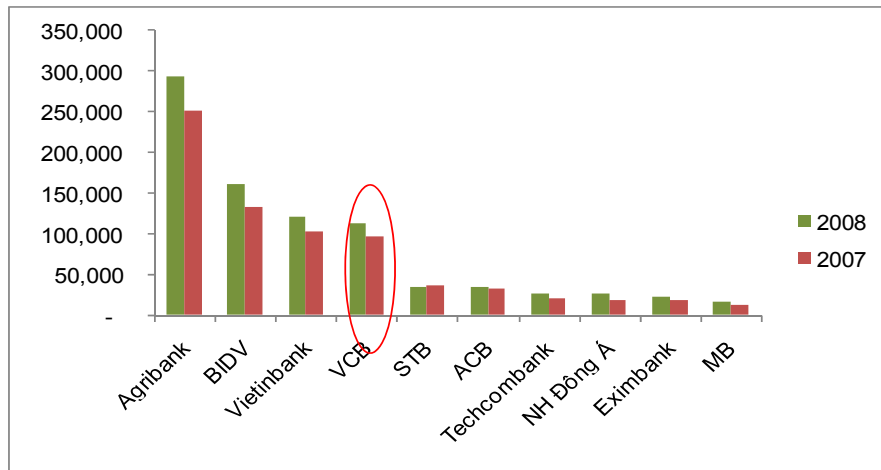


Nguồn: HBBS tổng hợp từ BCTC kiểm toán 2007-2008 các ngân hàng

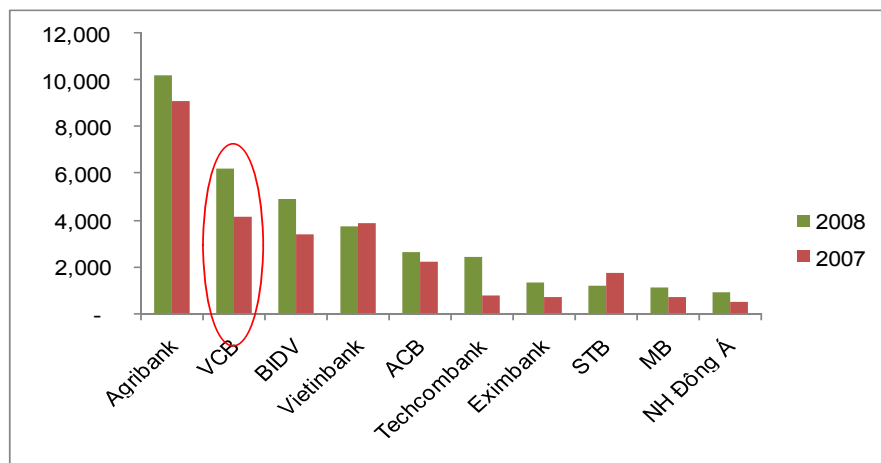
### Huy động từ dân cư



Nguồn: HBBS tổng hợp từ BCTC kiểm toán 2007-2008 các ngân hàng

**Dư nợ cho vay**


Nguồn: HBBS tổng hợp từ BCTC kiểm toán 2007-2008 các ngân hàng

**Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro tín dụng**


Nguồn: HBBS tổng hợp từ BCTC kiểm toán 2007-2008 các ngân hàng

## PHÂN TÍCH SWOT

### Điểm mạnh

**Thương hiệu ngân hàng mạnh và tin cậy:**

Vietcombank đã hoạt động hơn 45 năm, ra đời từ khi hệ thống tín dụng tại Việt Nam mới được hình thành với chức năng chính là phục vụ hoạt động kinh doanh đối ngoại. Tới nay, kinh doanh ngoại tệ và thanh toán xuất nhập khẩu vẫn là lĩnh vực nổi bật của ngân hàng bên cạnh sự phát triển của nhiều dịch vụ ngân hàng khác như thẻ, tín dụng, đầu tư v.v.

**Quy mô tài sản và nguồn vốn lớn:** Vietcombank có quy mô tài sản và nguồn vốn lớn trong hệ thống ngân hàng thương mại, sau Agribank và BIDV.

**Hỗ trợ từ Chính phủ:** Là một ngân hàng lớn & quan trọng trong hệ thống, VCB có khả năng nhận được hỗ trợ từ Chính phủ cả về mặt tài chính nếu cần thiết

**Có mạng lưới khách hàng rộng khắp, đặc biệt là các Tổng công ty, DNNN lớn:**

Là một trong những ngân hàng lớn, cộng với lợi thế trong kinh doanh và thanh toán quốc tế, Vietcombank có một hệ thống khách hàng gồm nhiều doanh nghiệp lớn, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động liên quan đến xuất nhập khẩu.

Điều này giúp VCB kiếm được một nguồn lợi nhuận tương đối tốt từ kinh doanh ngoại tệ. Tỷ trọng lãi thuần từ hoạt động này trong tổng thu nhập ngày càng tăng lên, năm 2008 tỷ lệ này là gần 11%.

**Có quan hệ đại lý rộng khắp:** Cũng nhờ vào việc thanh toán xuất nhập khẩu, Vietcombank là ngân hàng đầu tiên xây dựng mối quan hệ đại lý với các ngân hàng nước ngoài và tới nay duy trì được một mạng lưới rộng. Đây là cơ sở rất thuận lợi để VCB phát triển các dịch vụ thu phí của mình thông qua việc cung cấp các dịch vụ như thanh toán quốc tế, chuyển tiền, thanh toán thẻ quốc tế, mua bán ngoại tệ v.v.

**Vị trí kinh doanh thuận lợi:** Hầu hết các chi nhánh, phòng giao dịch của VCB đều nằm ở những vị trí thuận lợi cho kinh doanh. Trong 3 năm qua, mạng lưới kinh doanh của VCB cũng được mở rộng khá nhanh chóng, hiện nay tổng số chi nhánh và phòng giao dịch của ngân hàng chỉ thấp hơn mạng lưới của Agribank và BIDV.

**Quản trị kinh doanh hiệu quả:** Ban lãnh đạo có năng lực và kinh nghiệm làm việc lâu năm trong ngành. Một số thành viên của ban lãnh đạo đã tốt nghiệp các trường đại học ở nước ngoài nên có tác phong làm việc và quản trị hiện đại.

**Nền tảng công nghệ tốt:** Là ngân hàng đầu tiên ở Việt Nam hoàn thành hệ thống lõi vào năm 1999,

VCB có thuận lợi hơn các ngân hàng khác về hệ thống quản lý dữ liệu tập trung và phát triển sản phẩm.

**Nguồn vốn rẻ:** Vietcombank có tỷ lệ tiền gửi thanh toán cao trong nguồn tiền huy động từ dân cư (năm 2008 là hơn 33%, bình quân giai đoạn 2004 – 2008 là 45%). Điều này giúp cho ngân hàng có một nguồn vốn rẻ hơn các ngân hàng khác khi mà tỷ lệ lãi phải trả trên nợ phát sinh lãi bình quân là 5,75% trong khi trung bình của một số ngân hàng thương mại lớn khác là 9,52%. Thêm vào đó, tỷ trọng tiền gửi bằng ngoại tệ là gần 50% là một tỷ lệ rất cao.

**Lãi suất cho vay cạnh tranh:** Với nguồn vốn huy động được rẻ hơn, lãi suất cho vay của ngân hàng là tương đối thấp, đặc biệt là lãi suất với các khách hàng quen thuộc, các doanh nghiệp lớn. Mặc dù hiện nay do quy định về lãi suất trần của Ngân hàng Nhà nước làm giảm tính cạnh tranh của VCB trong mảng này nhưng lãi suất trên tài sản sinh lời bình quân của ngân hàng vẫn thấp hơn các ngân hàng khác.

**Khả năng sinh lời cao:** Năm 2008, ROAE của VCB đạt 18,43% cao hơn mức trung bình ngành là 12,50%, ROAA đạt 1,21% xấp xỉ mức 1,24% của ngành. Trong điều kiện kinh tế có nhiều khủng hoảng, tín dụng phải thu hẹp do kiểm chế lạm phát và tỷ giá có diễn biến bất ổn, VCB cũng đã trích dự phòng rủi ro tín dụng và rủi ro đầu tư tương đối lớn trong năm thì kết quả thu về như vậy vẫn rất khả quan.

**Có lợi thế trong hoạt động thanh toán:** Hầu hết mỗi tổ chức tài chính tại Việt Nam đều mở tài khoản tại VCB, cộng với lợi thế về hệ thống IT và corebanking đã giúp ngân hàng rút ngắn thời gian thanh toán, chuyển tiền... và nâng cao chất lượng dịch vụ.

**Hệ thống nhân sự có chất lượng:** Tới 31/03/2009, VCB có tất cả 9.212 nhân viên trong đó 385 người có trình độ từ thạc sỹ trở lên, 75,68% cán bộ có trình độ đại học. Hơn 70% người lao động dưới 35 tuổi. Đây là điều kiện tốt để ngân hàng có thể phát triển theo mô hình hiện đại hơn.

### Điểm yếu

**Dư nợ tập trung vào khối doanh nghiệp quốc doanh, mảng ngân hàng bán lẻ vẫn chưa phát triển:** Hiện nay tỷ trọng cho vay cá nhân mới chỉ chiếm dưới 10% tổng dư nợ cho vay của Vietcombank, tỷ trọng cho vay doanh nghiệp cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn thấp. Như vậy để phát triển theo đúng định hướng trở thành ngân hàng bán lẻ, Vietcombank sẽ cần một sự điều chỉnh khá lớn.

**Tỷ lệ nợ xấu cao:** Năm 2008, tỷ lệ nợ xấu của VCB tăng mạnh lên 4,6% và trong điều kiện kinh tế vĩ mô còn khó khăn như hiện nay thì sẽ có nguy cơ nợ xấu sẽ tiếp tục tăng nếu ngân hàng nới lỏng tín dụng trở lại.

**Đối tượng khách hàng vừa và nhỏ và khách hàng cá nhân khó tiếp cận ngân hàng** do lịch sử của VCB chủ yếu tập trung phục vụ khách hàng lớn. Do vậy VCB sẽ không thuận lợi khi muốn phát triển mảng hoạt động liên quan tới các đối tượng này trong khi đây lại là khu vực kinh tế đang phát triển mạnh.

**Sản phẩm dịch vụ chưa đa dạng phong phú** cũng làm hạn chế thu nhập từ hoạt động dịch vụ.

### Cơ hội

**Ngành ngân hàng Việt Nam có tiềm năng phát triển lớn:** Từ năm 2002 trở lại đây, ngành ngân hàng Việt Nam có tốc độ tăng trưởng rất cao trong đó trung bình tăng trưởng dư nợ là 29,3%/năm và huy động là 27,7%/năm. Nguyên nhân là tổng thể kết hợp của các yếu tố: tăng trưởng GDP cao, khu vực kinh tế tư nhân tăng trưởng nhanh, rất nhiều ngành nghề mới ở giai đoạn đầu nên phát triển nhanh và tăng trưởng thương mại cũng cao v.v. Riêng năm 2008, tốc độ tăng trưởng của ngành ngân hàng chậm lại một chút do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu và lạm phát trong nước tăng cao, nhưng vẫn đạt 21% tăng trưởng dư nợ.

Việt Nam có dân số hơn 83 triệu người, trong đó mới chỉ có xấp xỉ 10% trong số đó sở hữu tài khoản ngân hàng. Các dịch vụ ngân hàng với nhiều người dân vẫn còn xa lạ, đặc biệt ở các vùng nông thôn. Do vậy Việt Nam vẫn là thị trường tiềm năng về dài hạn để các ngân hàng thương mại khai thác.

### Thách thức

**Cạnh tranh nội bộ ngành ngày càng gay gắt dẫn tới thị phần huy động và cho vay đang giảm dần:**

Với số lượng ngân hàng mới thành lập ngày càng nhiều và sự mở rộng hoạt động của các ngân hàng khác về các hoạt động cốt lõi như huy động vốn, cho vay và dịch vụ ngân hàng... cạnh tranh nội bộ ngày càng gay gắt. Mặt khác, sau khi gia nhập WTO, tới nay nhiều cam kết đã được thực hiện khiến cho cạnh tranh không chỉ giữa các ngân hàng nội mà cả các chi nhánh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam. Các ngân hàng nước ngoài có lợi thế về vốn, công nghệ và dịch vụ chuyên nghiệp trong khi đây vốn là điểm bất lợi của ngân hàng Việt Nam.

**Quản trị rủi ro của hệ thống ngân hàng vẫn còn thô sơ** do những bất cập về kiến thức và công nghệ

**Tác động từ các yếu tố vĩ mô như kinh tế, chính trị và chính sách quản lý ngành ngân hàng:** Năm 2008 là một năm điển hình cho thấy tác động của kinh tế vĩ mô, chính trị và chính sách quản lý của Ngân hàng Nhà Nước lên hoạt động của khối ngân hàng. Là một ngân hàng hơn 90% sở hữu bởi Nhà nước, những tác động này lên VCB là khó tránh khỏi và sâu sắc hơn với các NHTM cổ phần khác.

**Hoạt động tín dụng chưa thực sự hiệu quả** khi việc tiếp cận thông tin về khách hàng còn nhiều khó khăn. Hoạt động của ngành ngân hàng còn thiếu những chế tài xử lý phù hợp khi khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng, gây thiệt hại cho ngân hàng. Mặt khác, doanh nghiệp nhà nước đang chiếm lớn trong tổng dư nợ tín dụng của ngân hàng. Đây là khối doanh nghiệp hoạt động thường kém hiệu quả hơn doanh nghiệp tư nhân và việc xử lý các vấn đề phát sinh khi có nợ quá hạn, nợ xấu thường phức tạp hơn.

## PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG

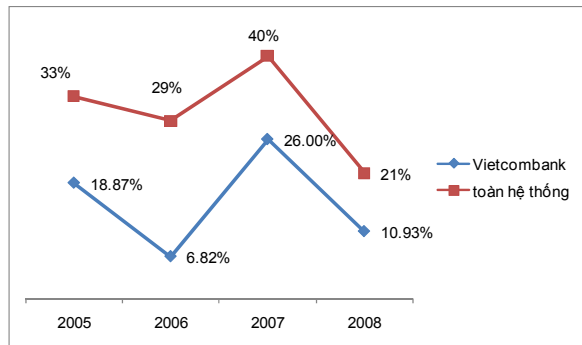
### Huy động vốn

*Thị phần lớn nhưng đang giảm dần.*

Giai đoạn 2004 – 2008, bình quân tổng huy động vốn của Vietcombank tăng 15,5%. Tại 31/12/2008, tổng huy động của ngân hàng đạt hơn 196,51 nghìn tỷ VND, tăng 10,46% so với 2007. Tuy nhiên, tới hết Q1'09, tổng huy động giảm 2,6%, đạt 192 tỷ VND.

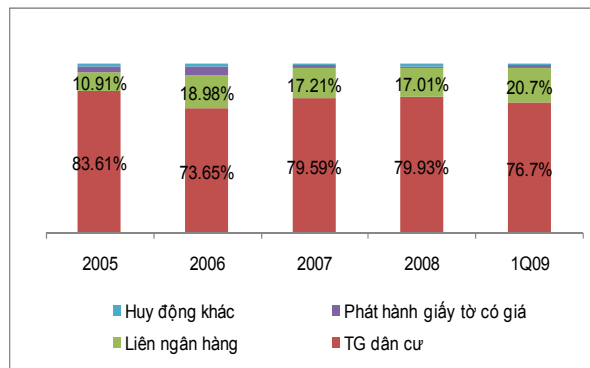
Thị phần huy động của VCB chỉ thấp hơn của Agribank (22,5%) và BIDV (12,28%). Vietcombank có tốc độ tăng trưởng thấp hơn tốc độ tăng huy động của hệ thống ngân hàng. Năm 2008, thị phần huy động vốn của Vietcombank ước đạt 11,8% giảm nhẹ so với thị phần 12,7% năm 2007 và 15,6% năm 2006 do tình hình cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt.

**Tăng trưởng huy động vốn**



Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2006 – 2008, BCTC Q109

**Cơ cấu nguồn vốn huy động**



Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2006 – 2008, BCTC Q109

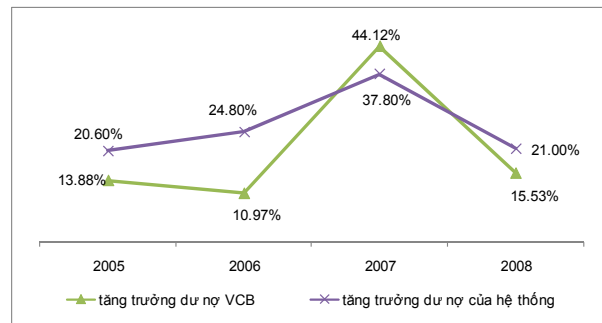
Trên 79% tổng huy động của Vietcombank là tiền gửi dân cư, năm 2008, ngân hàng có số dư tiền huy động từ thị trường 1 là 157 nghìn tỷ VND, trong đó, 47% – 55% là tiền gửi của các tổ chức kinh tế. Tỷ trọng tiền gửi bằng ngoại tệ bị giảm từ 72.150 tỷ VND năm 2007 xuống 71.446 tỷ VND cuối năm 2008. Tính tới cuối 2007, huy động vốn ngoại tệ của ngân hàng chiếm tỷ trọng khoảng 30% - 33% tổng huy động vốn ngoại tệ của toàn ngành ngân hàng (Nguồn: Bản cáo bạch niêm yết).

### Hoạt động tín dụng

*Tốc độ tăng trưởng tín dụng thường thấp hơn của hệ thống*

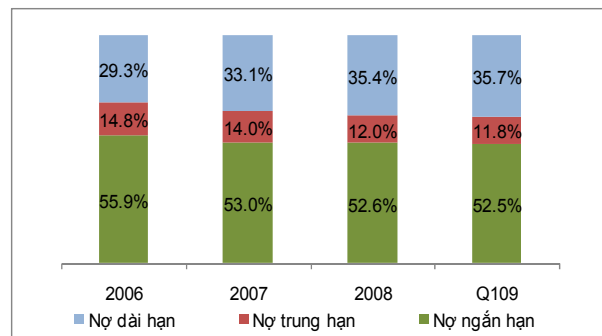
Năm 2008, thị phần cho vay của VCB là 8,7%; giảm so với tỷ lệ 9,1% năm 2007 và 9,8% năm 2006. Năm 2007, cùng với sự thuận lợi của thị trường, tăng trưởng tín dụng của Vietcombank rất cao, 44% so với mức 37,8% trung bình ngành. Tuy nhiên, sang năm 2008, Ngân hàng đã chủ động điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng xuống 15% do những phức tạp trong diễn biến kinh tế toàn cầu và trong nước.

**Tăng trưởng Dự nợ**



Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2005 – 2008

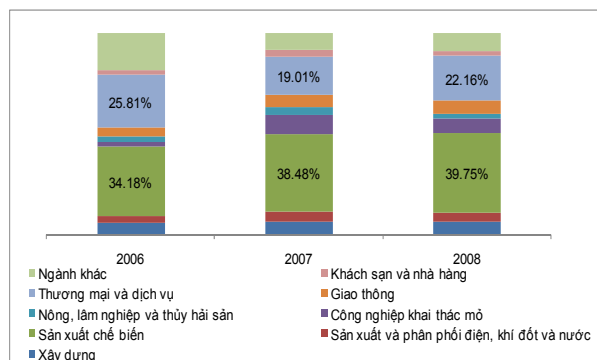
**Cơ cấu cho vay theo kỳ hạn**



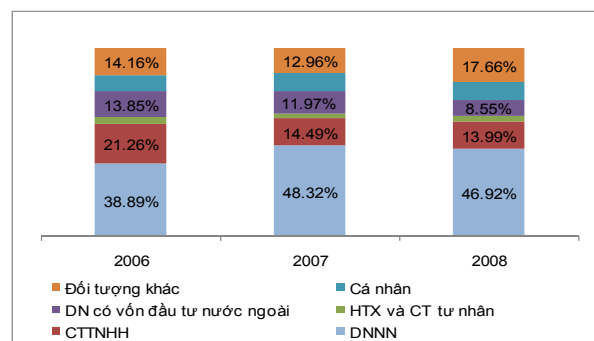
Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2006 – 2008, BCTC Q109

2006 – 2008, Vietcombank duy trì rất ổn định tỷ lệ cho vay trung và dài hạn trên tổng dư nợ ở mức 47%; còn lại là cho vay ngắn hạn. Hơn 90% dư nợ là cho vay tổ chức kinh tế tập trung ở các ngành: sản xuất chế biến, thương mại và dịch vụ, công nghiệp khai thác mỏ, xây dựng, giao thông và các ngành khác v.v.

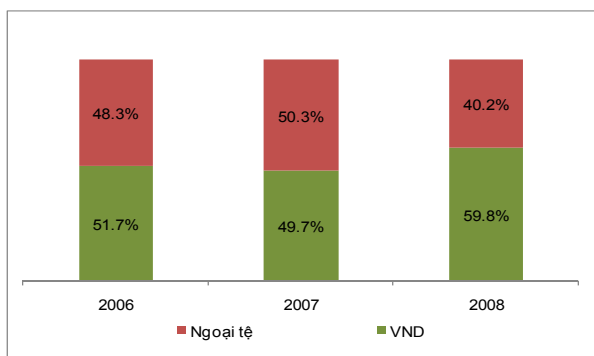


**Cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành**


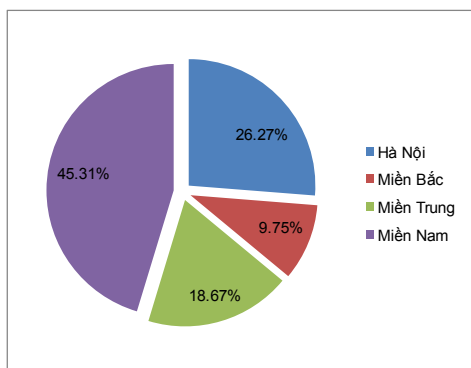
Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2006 – 2008, BCTC Q109

**Cơ cấu dư nợ theo đối tượng khách hàng**


Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2006 – 2008, BCTC Q109

**Cơ cấu dư nợ theo loại tiền**


Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2006 – 2008

**Cơ cấu dư nợ theo khu vực địa lý**


Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2006 – 2008

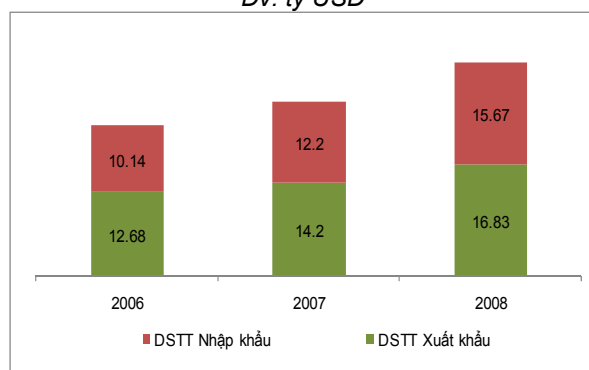
**Thanh toán quốc tế**

Đây là thế mạnh của VCB nhưng thị phần cũng đang bị suy giảm.

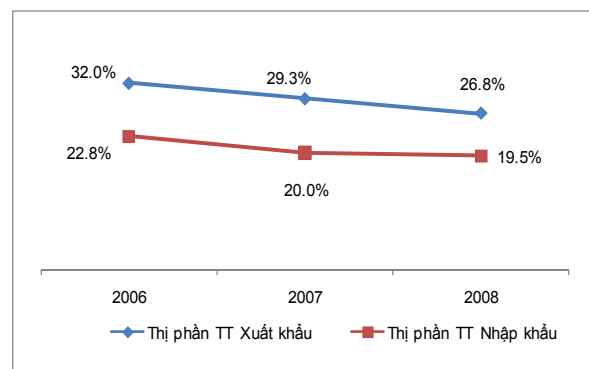
Thanh toán quốc tế là lĩnh vực kinh doanh truyền thống của VCB và ngân hàng luôn có vị thế hàng đầu trong ngành, duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối ổn định mặc dù thị phần đã bắt đầu bị sụt giảm. Năm 2008, doanh số thanh toán xuất nhập khẩu của ngân hàng đạt 32,5 tỷ USD với các mặt hàng xuất nhập khẩu chính được thanh toán qua VCB là gạo, thủy sản, than, lâm sản, dệt may, xăng dầu, sắt thép, máy móc thiết bị và hóa chất v.v.

**Doanh số Thanh toán Xuất khẩu và Nhập khẩu**

Đv: tỷ USD



Nguồn: Báo cáo bạch niêm yết lần đầu 2009

**Thị phần Thanh toán Xuất khẩu và Nhập khẩu**


Nguồn: Báo cáo bạch niêm yết lần đầu 2009

**Kinh doanh ngoại tệ**

Với thế mạnh về thanh toán xuất nhập khẩu và nguồn tiền gửi ngoại tệ lớn, hoạt động kinh doanh ngoại tệ mang lại nguồn lợi nhuận không nhỏ cho VCB hàng năm.

VCB là đối tác cung cấp các sản phẩm ngoại tệ cho các Tập đoàn và Tổng công ty lớn như Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Hàng không, Tổng công ty Xăng dầu v.v. Bên cạnh đó, VCB cũng là ngân hàng chuyển đổi ngoại tệ được chỉ định cho những khoản giải ngân của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản cho các dự án ODA cũng như các dự án lớn được Chính Phủ bảo lãnh. Lợi nhuận từ mảng

hoạt động này đóng góp không nhỏ vào thu nhập của Vietcombank.

	2006	2007	2008
Tổng doanh số mua bán ngoại tệ (triệu USD)	22.405	26.217	46.011
Tăng trưởng hàng năm (%)		17,01%	75,50%
Bán ngoại tệ phục vụ nhập khẩu xăng dầu (triệu USD)	2.389	2.075	1.749
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ (triệu VND)	273.481	354.532	952.911
Tăng trưởng hàng năm (%)		29,64%	168,78%

Nguồn: Bản cáo bạch niên yết lần đầu 2009

\*: Xem thêm Phụ lục – Bảng 1 để biết chi tiết

## Hoạt động kinh doanh thẻ

Thị trường thẻ ở Việt Nam có tiềm năng rất lớn do vẫn ở trong giai đoạn đầu của sự phát triển. Tuy nhiên, với thể mạnh chủ yếu tập trung ở mảng ngân hàng bán buôn, VCB đã không thực sự phát huy được lợi thế của người đi đầu trong lĩnh vực này.

Năm 2008, số thẻ quốc tế VCB phát hành chiếm 29,1% thị trường, thẻ nội địa phát hành chiếm 24%. Doanh số thanh toán thẻ quốc tế chiếm 59,7% thị phần thẻ trên toàn thị trường. Tới cuối năm 2008, Vietcombank đã phát hành 3,36 triệu thẻ các loại, doanh số sử dụng thẻ của ngân hàng là 72,94 nghìn tỷ VND trong đó doanh số thanh toán thẻ quốc tế là 642,65 triệu USD. Thị phần doanh số thanh toán thẻ của VCB năm 2008 là 59,7%. Ngân hàng đang sở hữu 1.244 máy ATM – tương đương 17,8% thị phần.

	2006	2007	2008
Số lượng thẻ phát hành (thẻ)	1.584.001	2.493.674	3.365.385
Doanh số sử dụng thẻ (tỷ VND)	30.688	49.547	72.941
Thanh toán thẻ quốc tế (triệu USD)	386,3	452,7	642,65
<b>Thị phần</b>			
Doanh số thanh toán thẻ (%)	69,9	57,6	59,7
Máy ATM (%)	29,0	24,0	17,8

Nguồn: Bản cáo bạch niên yết lần đầu 2009

\*: Xem thêm Phụ lục – Bảng 2 để biết chi tiết

## Công ty chứng khoán VCBS

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) là công ty con của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ngày 27/02/2009, VCBS đã tăng vốn điều lệ lên 700 tỷ VND. VCBS là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam với 7 năm hoạt động,

công ty đang quản lý gần 46.000 tài khoản cá nhân và tổ chức. Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán tóm tắt năm 2008: số dư chứng khoán tự doanh của VCBS vào thời điểm 31/12/2008 là 1.390,5 tỷ VND đầu tư ngắn hạn, VCBS đã trích dự phòng 136,42 tỷ VND. Đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư khác là 413,44 tỷ VND.

Năm 2008, VCBS lỗ 270,95 tỷ đồng. Trước đó, năm 2007, công ty lãi sau thuế 203 tỷ VND. VCBS là nhân tố quan trọng trong chiến lược hoạt động của Vietcombank với trọng tâm phát triển các dịch vụ thu phí và ngân hàng đầu tư.

\*: Xem thêm Phụ lục – Bảng 3 để biết chi tiết

## Công ty cho thuê tài chính

Công ty TNHH một thành viên cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB-Leaco) được thành lập ngày 25/03/1988 cung cấp dịch vụ cho thuê tài chính với khách hàng (thể nhân và pháp nhân). Tính đến 31/12/2008, tổng tài sản của VCBL là gần 1.084 tỷ VND, vốn chủ sở hữu hơn 300 tỷ VND.

Dư nợ cho thuê tài chính của VCB-Leaco đạt 1.084,15 tỷ VND, tăng 10,77% so với cuối năm 2007. Tỷ lệ nợ xấu năm 2008 là 19,1% và 11,6% năm 2007.

Năm 2007, công ty lỗ sau thuế gần 14 tỷ VND, tuy nhiên sang năm 2008, công ty lãi sau thuế gần 5 tỷ VND.

\*: Xem thêm Phụ lục – Bảng 4&5 để biết chi tiết

## Đầu tư, góp vốn liên doanh

Tới 31/03/2009, VCB hiện đang góp vốn vào khoảng 30 đơn vị gồm công ty con, công ty liên kết và công ty khác với tổng số vốn góp 2.997 tỷ VND (bao gồm cả 190,2 tỷ VND trích dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn). Trong năm 2008, lãi và cổ tức thu được từ khoản đầu tư góp vốn này là 679,4 tỷ VND; trong Q109, con số này là 36,37 tỷ VND. Trong các lĩnh vực đầu tư, 67,97% vốn đầu tư và liên doanh của VCB tập trung tại 1 ngân hàng liên doanh và 6 ngân hàng thương mại khác. Theo thông tin trong bản cáo bạch của VCB, hầu hết các khoản đầu tư này được mua bằng mệnh giá hoặc với giá ưu đãi.

Đầu tư và các công ty tài chính và bảo hiểm chiếm 13,47% tổng vốn đầu tư, phần còn lại VCB đầu tư vào các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực xây dựng, dầu khí, viễn thông, thương mại dịch vụ v.v.

\*: Xem thêm Phụ lục – Bảng 6 để biết chi tiết

## Phát triển mạng lưới

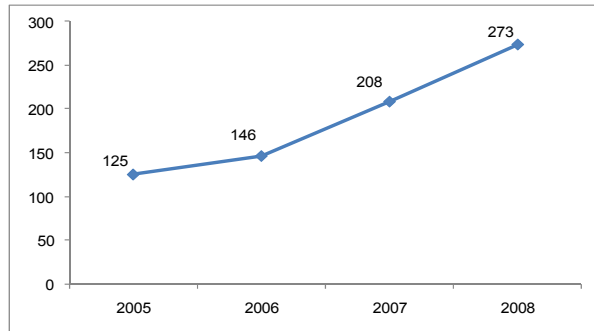
Năm 2008, mạng lưới của VCB gồm 273 chi nhánh và phòng giao dịch, tăng 31,25% so với năm 2007. Cụ thể gồm 1 Hội sở chính, 1 Sở Giao dịch, 60 Chi nhánh, 1 Trung tâm đào tạo, 1 văn phòng đại diện, 4 Công ty con (3 công ty trong nước và 1 Công ty tài

chính ở Hồng Kông), 1 Văn phòng đại diện, 209 phòng giao dịch và 4 Công ty liên doanh, 3 Công ty liên kết.

Hiện nay, mạng lưới hoạt động của VCB tương đối rộng, chỉ sau Agribank và tương đương Sacombank.

Tới 31/03/2009, ngân hàng có 9.231 nhân viên.

**Tăng trưởng mạng lưới**



Nguồn: HBBS tổng hợp

### Phát triển công nghệ

Hàng năm VCB đầu tư khoảng 20 - 30 triệu USD cho phần cứng và các giải pháp công nghệ, tức là tương đương với khoảng 7 – 8% thu nhập của ngân hàng. Mức đầu tư này mặc dù vậy vẫn bị đánh giá là thấp so với các ngân hàng Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc (theo VinaCapital, 2006).

### Chiến lược

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đặt ra mục tiêu trở thành tập đoàn đầu tư tài chính đa năng, nằm trong số 70 tập đoàn tài chính lớn nhất khu vực Châu Á (không bao gồm Nhật Bản) trước năm 2020, với hoạt động ở cả thị trường tài chính trong nước và quốc tế. Chiến lược phát triển của VCB khá đa dạng, tập trung mở rộng thị phần bằng việc cung cấp các dịch vụ đa dạng gồm bán buôn và bán lẻ, ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư.

#### Định hướng chiến lược

- Hoạt động ngân hàng thương mại là cốt lõi, chủ yếu, vừa phát triển bán buôn vừa đẩy mạnh bán lẻ, tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động trong nước.
- Đa dạng hóa hoạt động kinh doanh bằng cách mở rộng và đẩy mạnh một cách phù hợp các lĩnh vực Ngân hàng đầu tư (tư vấn, môi giới, kinh doanh chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư...); dịch vụ bảo hiểm, các dịch vụ tài chính và phi tài chính khác, bao gồm cả bất động sản thông qua liên doanh với các đối tác nước ngoài

#### Phát triển trên các nền tảng

- Công nghệ Ngân hàng hiện đại
- Cơ cấu quản trị và mô hình tổ chức cũng như các chuẩn mực phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất
- Nguồn nhân lực có chất lượng cao, có động lực và được sử dụng tốt
- Đội ngũ khách hàng ngày càng đa dạng, gắn bó
- Không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, lấy phát triển bền vững làm mục tiêu xuyên suốt và hiệu quả kinh tế làm mục tiêu hàng đầu
- Giữ vững vai trò chủ đạo của VCB trong hệ thống các NHTM tại Việt Nam

#### Một số chỉ tiêu cơ bản đến năm 2010

- VCSH: 15.000 tỷ VND
- TTS tăng trung bình 10%/năm
- ROAE đạt 18%
- ROAA đạt 1,55%
- CAR đạt 8 - 10%

## PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

### Mức độ đủ vốn

Mặc dù chỉ số CAR đạt yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước nhưng với tỷ lệ nợ quá hạn cao và chưa trích lập dự phòng đầy đủ thì số vốn này có thể hạn chế khả năng tăng trưởng của VCB.

Đv: %

QĐ	31/03/09	2008	2007	2006	2005
8	9.53	7.91	7.24	9.64	9.86

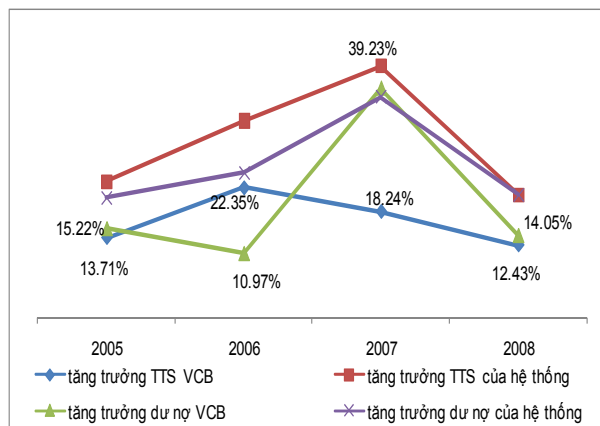
Nguồn: HBBS

Chỉ số đo mức độ đủ vốn (CAR) của VCB vào cuối T3/2009 đạt trên 9,5%, tức là đã cải thiện nhiều so với các năm trước chủ yếu nhờ các khoản ngoại bảng giảm mạnh hơn là do cải thiện về vốn hay cấu trúc tài sản thay đổi. Tuy mức này là đủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, nhưng theo Basel II thì vẫn chưa đủ.

### Chất lượng tài sản

Mặc dù tỷ lệ nợ quá hạn cao nhưng VCB cũng trích lập dự phòng được khá nhiều. Và với khả năng sinh lời tốt thì VCB hoàn toàn có đủ khả năng tiếp tục trích đủ dự phòng đảm bảo an toàn cho hoạt động của ngân hàng

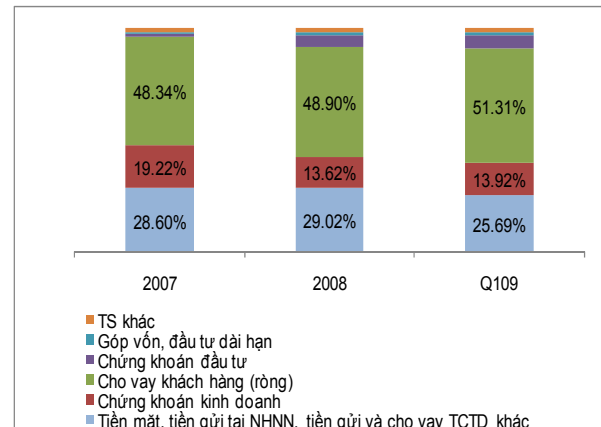
#### Tốc độ tăng trưởng



Nguồn: HBBS

Là một ngân hàng lớn nên tốc độ tăng trưởng của VCB thường thấp hơn mức trung bình của ngành.

### Cấu trúc tài sản

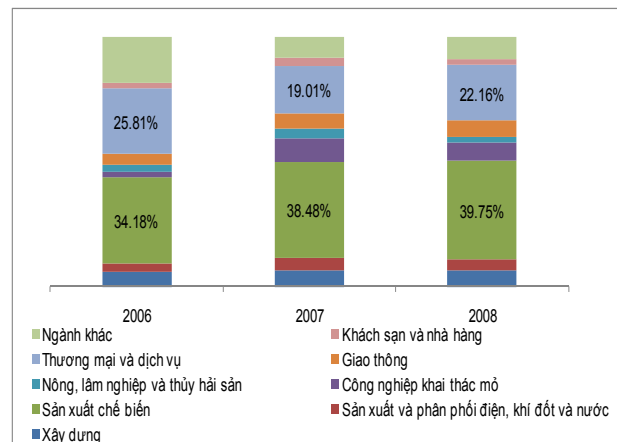


Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2007 – 2008, BCTC Q109

**Nợ quá hạn:** Tại thời điểm cuối T3/09, tổng nợ quá hạn là VND11.063 tỷ, tăng 33,8% so với cuối 2008 và chiếm 7,18% tổng dư nợ và 74,3% vốn chủ sở hữu. Tỷ lệ nợ xấu là 4,09% tổng nợ và 42,3% vốn chủ sở hữu. Trích lập dự phòng cùng thời điểm đạt VND4.308 tỷ, tương đương 39% tổng nợ quá hạn. Chúng tôi ước tính rằng, theo quy định, VCB sẽ phải trích lập dự phòng riêng & chung cho tổng các khoản nợ quá hạn khoảng hơn VND5,700 tỷ. Như vậy VCB vẫn sẽ còn phải trích lập 1 khoản dự phòng lớn nữa trong năm 2009, và điều này sẽ làm ảnh hưởng tới lợi nhuận của ngân hàng.

**Cơ cấu dư nợ:**

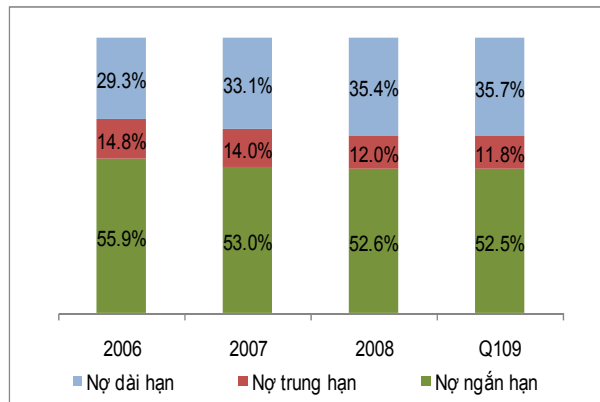
#### Cơ cấu dư nợ theo ngành



Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2006 – 2008

Cơ cấu dư nợ theo ngành thay đổi nhưng không quá nhanh với tỷ trọng đang tăng lên dành cho ngành sản xuất chế biến, khai thác mỏ

### Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn



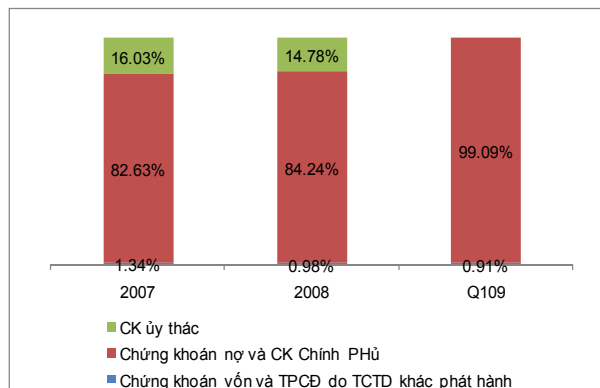
Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2006 – 2008, BCTC Q109

Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn ít thay đổi với nợ ngắn hạn thường chiếm khoảng trên 52% tổng dư nợ.

### Chất lượng các khoản đầu tư chứng khoán

Cuối T3/09, tổng các khoản đầu tư chứng khoán của VCB đạt VND42.836 tỷ, hầu như không thay đổi so với cuối 2007 & 2008. Trong đó, tới 99% là chứng khoán nợ bao gồm các loại trái phiếu, tín phiếu, công trái v.v.

### Chứng khoán nợ, chứng khoán vốn



Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2007 – 2008, BCTC Q109

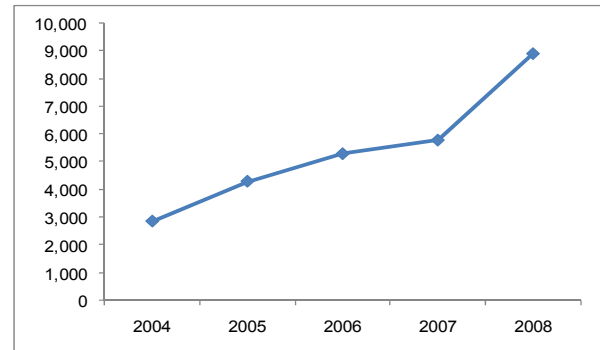
**Dự phòng:** Tổng dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán là VND361 tỷ trong đó có VND136 tỷ cho chứng khoán vốn (tương đương 35% số dư chứng khoán vốn, hầu như không thay đổi so với cuối 2008) và VND224 tỷ cho chứng khoán nợ. Với tình hình đã được cải thiện của thị trường chứng khoán, năm nay chắc VCB sẽ không phải tiếp tục chi phí thêm cho mục này.

### Chất lượng thu nhập

Khả năng sinh lời cao nhưng bị ảnh hưởng nhiều bởi các khoản trích lập dự phòng lớn. Ngoài ra cạnh tranh nội bộ ngành ngày càng gay gắt sẽ khiến cho chênh lệch lãi suất giữa giá vốn & tỷ lệ thu nhập lãi

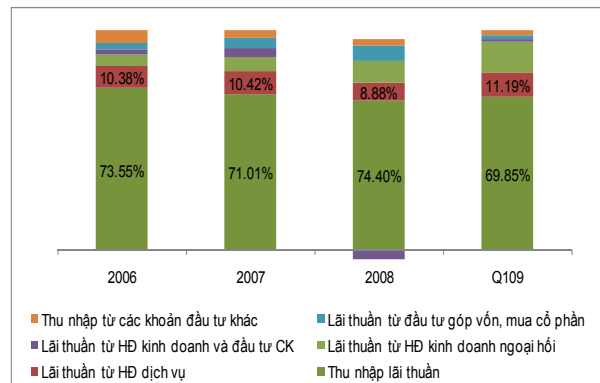
trên tổng tài sản sinh lãi giảm bớt, có thể ảnh hưởng tới khả năng sinh lời trong tương lai khiến thu nhập từ lãi khó tăng tương ứng với tăng trưởng tín dụng. Ngoài ra cơ cấu thu nhập cũng chưa được cải thiện với tỷ trọng thu nhập từ lãi vẫn chiếm xấp xỉ 70% tổng thu nhập.

### Tăng trưởng thu nhập



Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2004 – 2008

### Cơ cấu thu nhập



Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2006 – 2008, BCTC Q109

Với lợi thế rõ ràng về giá vốn thấp nhờ cấu trúc nguồn vốn có tỷ trọng lớn là các tài khoản vãng lai của các công ty, chênh lệch giữa giá vốn đầu vào và đầu ra của VCB hầu như lớn nhất trong hệ thống, là yếu tố cơ bản cho khả năng sinh lời của VCB. Năm 2008, các chỉ số ROAA đạt xấp xỉ mức bình quân của thị trường là 1,2% và ROAE đạt 18,43%, cao hơn hẳn so với mức trung bình của thị trường là 12,28%.

Tuy nhiên các chỉ số này lại đang có xu hướng giảm qua các năm chủ yếu do những khoản trích lập dự phòng rất lớn mà VCB đã thực hiện trong 2 năm qua. Và chúng tôi cho rằng trong 2009 VCB vẫn phải tiếp tục trích lập dự phòng lớn, và điều này có thể ảnh hưởng tới lợi nhuận của ngân hàng.

### Thu nhập từ lãi

Thu nhập từ lãi vẫn đóng vai trò quan trọng nhất trong tổng thu nhập (chiếm khoảng 70%). Năm 2008



thu nhập từ lãi tăng 61,5% so với 2007 mặc dù dư nợ chỉ tăng 13%. Chúng tôi cho rằng nguyên nhân chính do VCB hưởng lợi từ nguồn tiền gửi không kỳ hạn giá vốn thấp từ các công ty, tổ chức tín dụng giữa lúc hệ thống ngân hàng gặp khó khăn về huy động vốn và các ngân hàng khác phải sử dụng nguồn vốn liên ngân hàng với giá vốn rất cao từ những ngân hàng dồi dào thanh khoản hơn như VCB.

Chênh lệch giữa giá vốn đầu vào & đầu ra của VCB năm 2008 đạt 4,26%, lớn hơn nhiều so với mức trung bình của hệ thống là 3,83%. Với sự cạnh tranh ngày càng tăng từ các ngân hàng cổ phần & ngân hàng nước ngoài, VCB khó có thể giữ mãi mức chênh lệch lớn như vậy mãi. Và thu nhập ròng từ lãi do đó sẽ không thể tăng tương ứng tỷ lệ tăng của dư nợ.

#### *Thu nhập ngoài lãi*

Trong thu nhập ngoài lãi, hai khoản lớn nhất là thu nhập từ hoạt động dịch vụ và kinh doanh ngoại hối, chiếm lần lượt 8,9% & 10,7% trong tổng thu nhập năm 2008. Điều đặc biệt là vai trò của thu nhập từ kinh doanh ngoại hối đang tăng dần lên, tăng từ 4,5% năm 2005 lên 13,6% vào Q1'09. Điều này thể hiện VCB vẫn là ngân hàng hàng đầu ở Việt Nam về nguồn vốn ngoại tệ và hoạt động thanh toán xuất nhập khẩu.

#### *Chi phí ngoài lãi*

Chi phí quản lý tăng vọt trên 65% trong 2008, từ VND 1.627,74 tỷ năm 2007 lên VND 2.694,14 tỷ, chủ yếu do VCB tăng lương cho nhân viên.

Khoản chi rất lớn khác trong năm 2008 là chi dự phòng rủi ro tín dụng tới hơn VND 2.928 tỷ. Và theo chúng tôi ước tính thì năm 2009 VCB vẫn tiếp tục chi 1 khoản dự phòng lớn nữa.

### **Thanh khoản**

*Là ngân hàng hàng đầu ở Việt nam về dịch vụ thanh toán, nhìn chung VCB luôn được đánh giá là một ngân hàng có thanh khoản tốt do có nguồn tiền gửi khách hàng & nguồn vốn liên ngân hàng dồi dào.*

*Các chỉ số thanh khoản được cải thiện rất nhiều từ năm 2008, chủ yếu do khoản tiền gửi NHNN tăng vọt.*

Các chỉ số thanh khoản	2006	2007	2008	31/03/09
Chỉ số thanh toán ngắn hạn	-13,34	2,05	8,17	7,54
QĐ của NHNN			Tối đa 40%	
Chỉ số thanh toán nhanh	19,20	13,44	30,71	30,62
QĐ của NHNN			Tối thiểu 25%	

Nguồn: HBBS

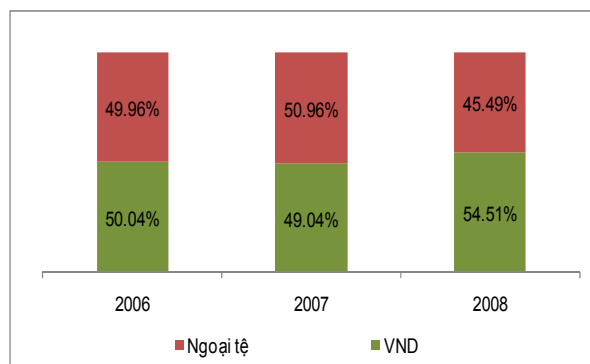
### *Cơ cấu nguồn vốn*

Cơ cấu nguồn vốn của VCB có sự điều chỉnh hợp lý theo biến động của thị trường. Năm 2008, khi nguồn vốn liên ngân hàng trở nên đắt đỏ do tình trạng thiếu hụt thanh khoản của các ngân hàng đặc biệt vào khoảng Q2-Q3 thì vốn liên ngân hàng giảm xuống 15% trong tổng vốn huy động. Tới cuối Q1'09 thì tỷ trọng này tăng lên trở lại mức 18%, xấp xỉ mức của cuối 2006. Vốn huy động từ dân biến động ngược lại giảm vào giữa năm 2008 và tăng trở lại vào cuối năm.

Một khoản mục đặc biệt là khoản tiền gửi tại NHNN tăng đột biến từ VND4,721 tỷ vào T5/08 lên hơn VND30.561 tỷ vào cuối 2008 và vẫn duy trì ở mức rất cao là VND27.925 tỷ cuối T3/09, trong đó tỷ trọng tiền gửi NHNN bằng USD chiếm tới hơn 85%.

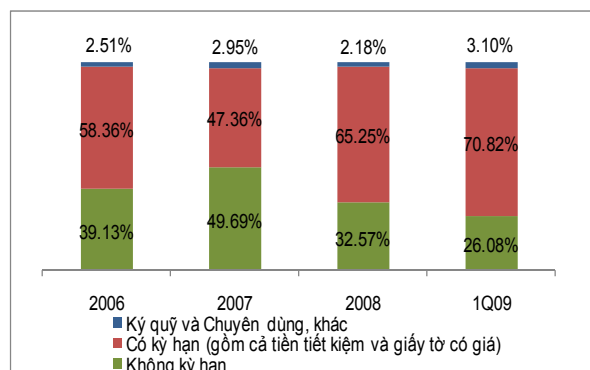
Trong tiền gửi từ khách hàng, tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn đang giảm dần. Điều này phản ánh sự cạnh tranh ngày càng mạnh về dịch vụ thanh toán trong khối ngân hàng. Vì đây là một nguồn vốn rẻ nên nếu VCB không cải thiện được thị phần thanh toán thì VCB sẽ mất dần lợi thế về giá vốn thấp.

#### **Cơ cấu nguồn vốn theo loại tiền**



Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2006 – 2008, BCTC Q109

#### **Cơ cấu nguồn vốn theo thời hạn**



Nguồn: BCTC hợp nhất có kiểm toán 2006 – 2008, BCTC Q109

**SO SÁNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2008 MỘT SỐ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Đv: tỷ VND

	VCB	Agribank	Vietinbank	BIDV	ACB	STB	Techcombank	Eximbank	MB	NH Đồng Á
Mạng lưới	273	> 2000	145	513	187	247	169	110	80	151
Tổng tài sản	221.950	400.485	193.591	246.494	105.306	68.439	59.069	48.248	44.346	34.713
Vốn chủ sở hữu	13.893	17.798	12.336	13.466	7.766	7.759	5.625	12.844	4.677	3.515
Vốn điều lệ	12.101	10.924	7.717	8.756	6.356	5.116	3.642	7.220	3.400	2.880
Huy động từ dân cư	157.067	299.954	125.094	163.397	64.217	46.129	39.618	30.878	27.163	23.010
Dư nợ cho vay	107.574	294.523	120.752	160.983	34.833	35.009	26.940	21.231	15.740	25.571
Tỷ lệ nợ xấu	4,60 %	na	1,58%	2,60%	0,89%	0,60%	2,56%	4,71%	1,83%	1,69%
Tổng thu nhập	8.903	19.541	8.694	8.377	4.239	2.454	3.290	1.892	1.638	1.479
TN từ lãi	6.624	14.441	7.189	6.244	2.728	1.147	1.761	1.320	1.421	882
Thu ngoài lãi/TTN	25,60%	26,10%	17,31%	25,47%	35,65%	53,27%	46,49%	30,25%	13,27%	40,38%
LN trước dự phòng	6.208	10.199	3.736	4.904	2.649	1.184	2.380	1.289	1.083	913
LNST	2.520	2.124	1.805	1.979	2.211	955	1.183	711	703	539
ROAA (%)	1,21	0,59	1,00	0,88	2,32	1,44	2,40	1,74	1,88	1,73
ROAE (%)	18,43	12,80	15,71	17,87	31,53	12,64	25,72	7,43	16,93	15,98
EPS (VND)	2.083	1.944	2.339	2.261	3.478	1.866	3.248	985	2.069	1.871
BVPS (VND)	11.481	16.292	15.985	15.380	12.219	15.166	15.446	17.790	13.755	12.205
Thị phần huy động	11,80%	22,53%	9,40%	12,28%	4,82%	3,47%	2,98%	2,32%	2,04%	1,73%
Thị phần cho vay	8,70%	23,82%	9,77%	13,02%	2,82%	2,83%	2,18%	1,72%	1,27%	2,07%

Nguồn: HBBS

**CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN CỦA VCB**

	31/03/2009	2008	2007	2006	2005	2004
<b>Quy mô (triệu VND)</b>						
Tổng tài sản	220.493.456	221.950.448	197.408.036	166.952.020	136.456.412	120.006.267
VCSH	14.991.902	13.893.437	13.635.886	11.202.342	8.488.135	7.238.093
Dư nợ cho vay ròng	113.136.208	108.528.764	95.429.695	66.252.049	59.701.251	52.775.712
Lợi nhuận ròng	1.115.033	2.536.554	2.417.061	2.877.021	1.292.553	1.103.813
<b>Chất lượng tài sản (%)</b>						
Tăng trưởng Tổng tài sản	-0,66	12,43	18,24	22,35	13,71	23,31
Tăng trưởng dư nợ ròng	4,25	13,73	44,04	10,97	13,12	35,90
Tỷ lệ nợ xấu	4,09	4,63	3,29	1,69	1,32	1,17
Trích lập DPRRTD/Tổng dư nợ	3,67	3,78	2,16	2,20	2,20	1,55
Trích lập DPRRTD/Nợ xấu	Na	81,71	65,46	130,08	166,03	132,30
<b>Mức độ đủ vốn (%)</b>						
Tỷ lệ tăng trưởng vốn	7,91	1,89	21,72	31,98	17,27	26,21
Chỉ số đo mức độ đủ vốn	9,53	7,91	7,24	9,64	9,86	9,51
VCSH/Tổng dư nợ	12,77	12,32	13,98	16,54	13,90	13,50
VCSH/Tổng tài sản	6,80	6,26	6,91	6,71	6,22	6,03
<b>Thanh khoản (%)</b>						
Tỷ lệ tài sản thanh khoản	25,69	29,02	28,60	39,83	37,17	36,00
Dư nợ ròng/Tổng vốn huy động	59,55	56,06	54,63	46,07	49,19	47,67
Dư nợ ròng/Tiền gửi khách hàng	76,69	69,10	67,40	58,96	56,75	59,63
TG khách hàng/Tổng vốn huy động	77,65	81,14	81,05	78,14	86,67	79,94
<b>Khả năng sinh lời (%)</b>						
ROAA	0,50	1,21	1,33	1,90	1,01	1,02
ROAE	7,72	18,43	19,46	29,22	16,43	17,00
Tăng trưởng lợi nhuận ròng	-56,04	4,94	-15,99	122,58	17,10	85,13
Chênh lệch lãi suất	0,99	4,26	2,64	3,02	2,93	2,40
Thu nhập ngoài lãi/Tổng thu nhập	30,15	25,60	28,99	26,45	22,75	33,31
Trích lập dự phòng/Thu nhập hoạt động	0,00	46,45	22,76	4,28	46,97	23,59
Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập	26,56	30,26	28,19	22,98	22,58	31,04

Nguồn: HBBS



## PHỤ LỤC

**Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại tệ 2006 - 2008**

triệu USD	2006	2007	2008
<b>Doanh số mua bán ngoại tệ - VND</b>	<b>17.968</b>	<b>20.122</b>	<b>31.610</b>
Mua trong nước	8.671	9.999	15.219
Bán trong nước	9.297	10.123	15.881
<b>Doanh số mua bán ngoại tệ - ngoại tệ quốc tế</b>	<b>2.449</b>	<b>4.106</b>	<b>10.001</b>
Mua ngoại tệ bán USD	1.335	2.294	5.157
Bán ngoại tệ mua USD	1.114	1.812	4.844
<b>Doanh số mua bán ngoại tệ - ngoại tệ trong nước</b>	<b>1.988</b>	<b>1.989</b>	<b>4.400</b>
Mua ngoại tệ bán USD	966	908	2.417
Bán ngoại tệ mua USD	1.022	1.081	1.983
<b>Tổng doanh số mua bán ngoại tệ</b>	<b>22.405</b>	<b>26.217</b>	<b>46.011</b>
% tăng trưởng		17,01%	75,50%
<b>Bán ngoại tệ phục vụ nhập khẩu xăng dầu</b>	<b>2.389</b>	<b>2.075</b>	<b>1.749</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ (triệu VND)</b>	<b>273.481</b>	<b>354.532</b>	<b>952.911</b>
% tăng trưởng		29,64%	168,78%

Nguồn: Bản cáo bạch niên yết 2009

**Bảng 2: Hoạt động kinh doanh thẻ 2006 - 2008**

	2006	2007	2008
Thẻ tín dụng	72.448	92.976	118.499
Thẻ ghi nợ quốc tế	11.553	77.096	175.149
Thẻ ghi nợ nội địa (connect 24)	1.500.000	2.323.602	3.071.737
<b>Số lượng thẻ phát hành</b>	<b>1.584.001</b>	<b>2.493.674</b>	<b>3.365.385</b>
<b>Doanh số sử dụng thẻ</b>			
Thẻ tín dụng	1.013.000	1.358.000	1.609.000
Thẻ ghi nợ quốc tế	426.000	1.055.000	5.175.000
Thẻ ghi nợ nội địa (connect 24)	29.249.000	47.134.000	66.157.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.688.000</b>	<b>49.547.000</b>	<b>72.941.000</b>
<b>Thanh toán thẻ quốc tế</b>			
Visa	196,80	229,50	327,04
Master	99,00	100,30	171,87
Amex	81,80	112,90	133,40
JCB	4,80	6,30	6,74
Diners	3,90	3,70	3,60
<b>Tổng</b>	<b>386,3</b>	<b>452,7</b>	<b>642,65</b>
<b>Thị phần</b>			
Doanh số thanh toán thẻ (%)	69,9	57,6	59,7
Máy ATM (%)	29,0	24,0	17,8

Nguồn: Bản cáo bạch niên yết 2009

**Bảng 3: Thị phần hoạt động năm 2008 (theo giá trị giao dịch)**

<b>HOSE</b>	<b>%</b>	<b>Xếp hạng</b>
Môi giới trong nước		
CP	6,11%	2
CCQ	9,49%	2
TP	27,92%	1
Môi giới nước ngoài		
CP	2,38%	7
CCQ	3,53%	6
TP	65,78%	1
HĐ tự doanh		
CP	7,42%	2
CCQ	5,12%	5
TP	30,93%	1
<b>HASTC</b>		
Môi giới	4,16%	5
Tự doanh	0,29%	5

*Nguồn: HBBS tổng hợp theo công bố của HOSE, HASTC*

**Bảng 4: Một số chỉ tiêu hoạt động của VCB-Leaco 2006 -2008**

<b>Triệu VND</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>	<b>2008</b>
Tổng tài sản	1.116.079	942.786	1.083.768
VCSH	131.918	98.188	306.697
Dư nợ cho thuê tài chính	1.101.110	978.743	1.084.155
LNTT	18.051	(13.826)	4.892
LNST	12.997	(13.826)	4.892

*Nguồn: Bản cáo bạch niêm yết lần đầu 2009*

**Bảng 5: Cơ cấu nợ phân loại theo chất lượng của VCB-Leaco**

	<b>31/12/07</b>	<b>31/12/08</b>
Nợ đủ tiêu chuẩn	700.001	788.971
Nợ cần chú ý	166.038	56.187
Nợ dưới tiêu chuẩn	18.417	9.446
Nợ nghi ngờ	7.763	57.458
Nợ có khả năng mất vốn	87.461	133.074
<b>Tổng dư nợ</b>	<b>979.680</b>	<b>1.045.154</b>

*Nguồn: Bản cáo bạch niêm yết lần đầu 2009*

**Bảng 6: Tình hình góp vốn của VCB tại thời điểm 31/03/2009:**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>% sở hữu</b>
<b>Các khoản Đầu tư vào CT Liên doanh</b>		
Ngân hàng liên doanh Shinhan Vina	715.799	50%
CTTNHH Vietcombank Bonday Bến Thành	152.838	52%
CTQLQ Vietcombank	44.779	51%
CTTNHH Bảo hiểm Vietcombank Cardif	270.000	45%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.183.416</b>	
<b>Các khoản ĐT vào CT Liên kết</b>		
CTTNHH Vietcombank Bonday	11.397	16%
Quỹ thành viên VPF1	16.519	11%
Smartlink Card	3.764	8,8%
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.680</b>	
<b>Các khoản ĐT dài hạn khác</b>		
Ngân hàng TMCP Xuất - Nhập khẩu VN	632.064,9	8,75%
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	93.408,0	9,16%
Ngân hàng TMCP Quân đội	320.758,3	7,99%
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	51.111,5	2,42%
Ngân hàng TMCP Gia Định	238.300,4	15,11%
Ngân hàng TMCP Phương Đông	114.922,4	7,79%
Quỹ tín dụng Nhân dân Trung ương	5.000,0	4,50%
Quỹ bảo lãnh tín dụng S&M	1.800,0	3,60%
SWIFT. MASTER và VISA	760,6	0,00%
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	34.300,0	10,00%
Công ty Khoan và Dịch vụ Dầu khí	59.985,6	4,36%
Công ty CP thương nghiệp Tổng hợp&chế biến lương thực Thốt Nốt	4.023,9	3,97%
Công ty CP đầu tư cơ sở hạ tầng HCM	12.176,1	1,95%
Công ty CP Bảo hiểm Nhà Rông	12.540,0	7,50%
Công ty DV Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	138.072,4	3,85%
Công ty CP Vận tải Dầu khí/TBD	120.000,0	10,00%
Công ty CP Đầu tư Thông tin tín dụng	380,0	1,90%
Công ty Tài chính CP Xi măng	33.000,0	11,00%
TCT Phát triển Hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam	75.000,0	1,90%
Công ty CP Bất động sản Vietcomreal	11.000,0	11,00%
Góp vốn liên doanh khác	13.440,0	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.972.044</b>	

*Nguồn: Bản cáo bạch niêm yết lần đầu 2009*

**PHÒNG PHÂN TÍCH****Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội****Tầng 4B - 2C Vạn Phúc – Kim Mã – Ba Đình – Hà Nội****Tel: (+84) 04.3.726.2275 - Fax: (+84) 04.3.726.2305****Đỗ Hồng Điệp**

Số máy lẻ: 132

Email: [diepdh@hbbs.com.vn](mailto:diepdh@hbbs.com.vn)**Nguyễn Thị Hoàng Mai**

Số máy lẻ: 131

Email: [mainth@hbbs.com.vn](mailto:mainth@hbbs.com.vn)**Phạm Tùng Lâm**

Số máy lẻ: 164

Email: [lampt@hbbs.com.vn](mailto:lampt@hbbs.com.vn)**Đào Thị Thu Hằng**

Số máy lẻ: 146

Email: [hangdtt@hbbs.com.vn](mailto:hangdtt@hbbs.com.vn)**Vũ Thị Quỳnh Trang**

Số máy lẻ: 140

Email: [trangvtq@hbbs.com.vn](mailto:trangvtq@hbbs.com.vn)**Đặng Thị Mỹ Phương**

Số máy lẻ: 132

Email: [phuongdgm@hbbs.com.vn](mailto:phuongdgm@hbbs.com.vn)**Nguyễn Thị Ngọc Lan**

Số máy lẻ: 130

Email: [lanntn@hbbs.com.vn](mailto:lanntn@hbbs.com.vn)**Trần Đỗ Quyên**

Số máy lẻ: 146

Email: [quyentd@hbbs.com.vn](mailto:quyentd@hbbs.com.vn)**Nguyễn Thị Ngọc Huyền**

Số máy lẻ: 131

Email: [huyenntn@hbbs.com.vn](mailto:huyenntn@hbbs.com.vn)**ĐIỀU KHOẢN MIỄN TRỪ**

Tài liệu này do Công ty Chứng Khoán Habubank ("Habubank Securities"), một công ty con trực thuộc Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội - Habubank phát hành. Các nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở các thông tin tin cậy, nhưng chúng tôi không có bất cứ cam kết hay đảm bảo gì đối với tính chính xác, hoàn chỉnh của các thông tin trong nghiên cứu này. Các quan điểm mà chúng tôi đưa ra có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tài liệu này được phục vụ mục đích lưu hành rộng rãi. Tất cả các khuyến nghị đưa ra trong tài liệu này đều không nhằm phục vụ các mục tiêu đầu tư cụ thể, hay nhu cầu riêng của bất kỳ người đọc cụ thể nào. Tài liệu này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, không nhằm thay đổi quyết định của người đọc. Các nhà đầu tư nên được tư vấn về tài chính và pháp luật để ra các quyết định đầu tư. Habubank Securities không chịu trách nhiệm đối với bất cứ thiệt hại trực tiếp hay gián tiếp phát sinh từ việc sử dụng hoặc liên quan đến tài liệu này theo bất cứ hình thức nào. Tài liệu này không phải là một lời đề nghị hay mời gọi mua bán bất cứ loại chứng khoán nào. Bất kỳ ai muốn biết thêm thông tin, kể cả việc làm rõ bất cứ chi tiết nào trong điều khoản miễn trừ này, hoặc muốn thực hiện giao dịch đối với bất cứ loại chứng khoán nào đã được đề cập trong tài liệu này vui lòng liên hệ với Habubank Securities để được phục vụ.

Tài liệu này là tài liệu bản quyền tác giả của Habubank Securities. Mọi sao chép trích dẫn thông tin phân tích trong tài liệu này phải trích dẫn nguồn từ Công ty Chứng Khoán Habubank.